

DÂN CHỦ SỐ Ở TRUNG QUỐC VÀ KINH NGHIỆM

★ TS LÊ THỊ THU MAI

★ TS ĐỖ KHƯƠNG MẠNH LINH

*Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.582.2026.213>

● **Tóm tắt:** Dân chủ số (E-democracy) ở Trung Quốc là công cụ quan trọng để tối ưu hóa mô hình “dân chủ nhân dân toàn quá trình”, có vai trò cốt lõi trong việc củng cố tính chính danh của hệ thống chính trị, thu thập ý kiến quần chúng trên diện rộng và bảo đảm hiệu quả quản trị nhà nước. Bài viết làm rõ cơ sở lý luận, thể chế chính trị - pháp lý, cấu trúc hạ tầng công nghệ, cơ chế tham gia của công dân số, cùng những thách thức và hiệu quả trong thực tiễn áp dụng. Từ đó đúc rút một số kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình dân chủ số, bảo đảm sự cân bằng giữa công nghệ và thể chế, giữa hiệu quả và công bằng xã hội.

● **Từ khóa:** dân chủ số; dân chủ số ở Trung Quốc; dân chủ nhân dân toàn quá trình; chuyển đổi số; công dân số; quản trị số.

Digital democracy in China and some experiences

● **Abstract:** Digital democracy (E-democracy) in China serves as an important tool to optimize the “whole-process people’s democracy” model, playing a core role in consolidating the legitimacy of the political system, gathering public feedback on a broad scale, and ensuring state governance efficiency. The article clarifies the theoretical foundations, politico-legal frameworks, technological infrastructure structures, and engagement mechanisms of digital citizens, alongside the practical challenges and efficacy of implementation. On that basis, the article draws key lessons for constructing digital democracy models that ensure a balance between technology and institutions, as well as between governance efficiency and social equity.

● **Keywords:** digital democracy; digital democracy in China; whole-process people’s democracy; digital transformation; digital citizen; digital governance.

1. Mở đầu

Sự phát triển của công nghệ số đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống chính trị toàn cầu, trong đó có lĩnh vực dân chủ. Trong bối cảnh các quốc gia đẩy mạnh chuyển

đổi số để nâng cao năng lực quản trị và mở rộng không gian tham gia của người dân, Trung Quốc nổi lên như một trường hợp đặc biệt với mô hình dân chủ số được xây dựng trên nền tảng thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa

đặc sắc. Khác với các mô hình dân chủ số phương Tây thường nhấn mạnh đến cạnh tranh chính trị và tự do cá nhân, Trung Quốc tiếp cận dân chủ số dưới góc độ công cụ để tăng cường quản trị nhà nước, mở rộng sự tham gia có trật tự của người dân nhằm củng cố tính chính danh, sự ủng hộ của người dân và duy trì sự ổn định chính trị. Tại Trung Quốc, khái niệm “dân chủ số” không đồng nhất với mô hình dân chủ tự do kiểu phương Tây mà được định hình bởi thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa đặc sắc, với công nghệ số đóng vai trò công cụ phục vụ mục tiêu “dân chủ nhân dân toàn quá trình” dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Nghiên cứu về mô hình dân chủ số ở Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng cả về mặt học thuật lẫn thực tiễn. Về mặt học thuật, đây là cơ hội để kiểm nghiệm các giả định lý thuyết về mối quan hệ giữa công nghệ và dân chủ trong một bối cảnh thể chế đặc thù, từ đó làm phong phú thêm lý thuyết về dân chủ trong thời đại số. Về mặt thực tiễn, những kinh nghiệm, thách thức và giải pháp của Trung Quốc trong xây dựng dân chủ số mang lại những kinh nghiệm có giá trị cho các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong việc tìm kiếm mô hình chuyển đổi số phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước.

2. Nội dung

2.1. Một số quan điểm về dân chủ số

Khái niệm dân chủ số (digital democracy) khởi nguồn từ sáng kiến của Steven Clift với nền tảng E-Democracy.org từ năm 1994, sau đó lan tỏa tới hơn 30 quốc gia. Tuy nhiên, từ cuối những năm 1990, Mỹ đã triển khai dịch vụ định vị thông tin chính phủ (GILS), tạo kho dữ liệu lớn về hoạt động công, mở đường cho chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến ở hầu

hết các nước, qua đó cải thiện tương tác nhà nước - công dân, tăng tính minh bạch và hiệu quả hành chính xuyên quốc gia.

Dân chủ số được định nghĩa là việc ứng dụng công nghệ số nhằm mở rộng và nâng cao chất lượng các quy trình dân chủ: lập pháp, giám sát, hoạch định chính sách và sự tham gia của công dân (Chen, 2016). Giới nghiên cứu phương Tây chủ yếu tiếp cận dân chủ số như một công cụ gia tăng năng lực của dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, tập trung mở rộng không gian tham gia, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình (Smith, 2009). Tuy nhiên, công nghệ số phải gắn với định hướng chính trị; nó được định hình bởi thể chế và văn hóa chính trị của từng quốc gia (Feng & He, 2018). Trong khi các nước phương Tây nhấn mạnh cạnh tranh chính trị và kiểm soát quyền lực, Trung Quốc huy động công nghệ số như một phương tiện tăng cường năng lực quản trị nhà nước và củng cố tính chính danh của hệ thống chính trị hiện hành.

Dân chủ số ở Trung Quốc được thúc đẩy trong khuôn khổ chiến lược xây dựng “Trung Quốc số”, được xác lập tại Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2022). Khác với các mô hình dân chủ số ở phương Tây, mô hình này được phát triển trên nền tảng thể chế Đại hội đại biểu nhân dân - chế độ chính trị cơ bản bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong hệ thống chính trị Trung Quốc. Quá trình số hóa hệ thống đại diện trải qua ba giai đoạn: cổng thông tin điện tử, hệ thống tích hợp toàn quá trình (Nhân đại số), và hiện nay là giai đoạn ứng dụng sâu trí tuệ nhân tạo và thuật toán (Nhân đại thông minh). Lý luận cốt lõi thúc đẩy tiến trình này là tư tưởng “dân chủ nhân dân toàn quá trình”, nhấn mạnh ba đặc trưng toàn chuỗi, toàn phương diện và bao phủ

toàn diện. Trong cấu trúc ấy, công nghệ số không đơn thuần là công cụ hỗ trợ mà trở thành yếu tố cấu thành không thể thiếu của hệ thống dân chủ tại Trung Quốc.

Thực tiễn dân chủ số ở Trung Quốc khởi động từ những năm 2000 với các cổng thông tin điện tử của Nhân đại các cấp và mang tính bước ngoặt kể từ Đại hội XVIII (năm 2012) khi cải cách hành chính số được đẩy mạnh và công nghệ được ứng dụng sâu rộng vào các quy trình dân chủ. Mô hình này thể hiện tính đặc thù rõ rệt: do Đảng Cộng sản lãnh đạo, hướng tới phục vụ nhân dân một cách thiết thực, được xây dựng trên chính nhu cầu quản trị nội tại của Trung Quốc, kết hợp nguyên lý dân chủ xã hội chủ nghĩa với công nghệ số tiên tiến.

2.2. Khung thể chế, pháp lý và định hướng mục tiêu chiến lược về dân chủ số

Khung thể chế và pháp lý của dân chủ số ở Trung Quốc dựa trên nền tảng chủ nghĩa xã hội đặc sắc, với nguyên tắc “Đảng Cộng sản lãnh đạo là đặc trưng cơ bản nhất”. Hiến pháp cùng các đạo luật chuyên ngành tạo lập hệ quy tắc chặt chẽ, trong đó Luật An toàn dữ liệu năm 2021 và Luật Bảo vệ thông tin cá nhân năm 2021 định hình khung pháp lý nền tảng cho xử lý dữ liệu (Chen, 2022). Luật Bảo vệ thông tin cá nhân xác lập bốn nguyên tắc: mục đích rõ ràng, giới hạn phạm vi, minh bạch và an toàn bảo mật; quyền này không tuyệt đối mà được điều chỉnh theo lợi ích tập thể. Quyền tiếp cận thông tin công được quy định tại Điều lệ Công khai thông tin chính quyền (2019), song chịu ngoại lệ về an ninh quốc gia và trật tự công cộng. Khác với các nước phương Tây, Trung Quốc không coi quyền kết nối internet là quyền cơ bản mà là dịch vụ công do Nhà nước quản lý.

Luật An ninh mạng của Trung Quốc thiết lập nguyên tắc “chủ quyền dữ liệu”, theo đó dữ

liệu cá nhân và dữ liệu quan trọng thuộc quyền kiểm soát của Nhà nước. Điều 24 yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng phải thu thập thông tin nhận dạng thật khi ký thỏa thuận (NPC, 2016). Nguyên tắc này không chỉ bảo vệ an ninh mà còn kiểm soát không gian số, hạn chế ảnh hưởng của nền tảng nước ngoài. Trách nhiệm giải trình được thể chế hóa qua các hệ thống giám sát trực tuyến. Tại Chiết Giang và Quảng Đông, hệ thống giám sát ngân sách kết nối mạng sử dụng thuật toán AI để phân tích dữ liệu và cảnh báo tự động, hình thành cơ chế minh bạch mang tính phòng ngừa. Cơ quan quản lý không gian mạng (CAC) đã thực thi mạnh mẽ việc bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu. Trong năm 2024, CAC đã kiểm tra, cảnh cáo hoặc xử phạt hơn 15.000 nền tảng vi phạm quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân (Bigg & Ge, 2025). Các vi phạm chủ yếu gồm thu thập dữ liệu không có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân, thiếu thông báo bảo mật rõ ràng và không thực hiện đánh giá tác động bảo vệ thông tin cá nhân theo quy định.

Xu hướng phát triển tập trung vào hoàn thiện trách nhiệm của nền tảng số trong bảo vệ quyền công dân; xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật song hành quy định pháp lý và phát triển cơ chế bảo vệ trong bối cảnh quốc tế. Công nghệ số có thể tái cấu trúc quan hệ quyền lực giữa các cơ quan nhà nước, nhưng hiệu quả phụ thuộc vào yếu tố thể chế và văn hóa chính trị. Do đó, khung pháp lý sẽ tiếp tục được điều chỉnh nhằm cân bằng giữa đổi mới công nghệ và ổn định thể chế, giữa mở rộng tham gia và duy trì kiểm soát.

Quyền công dân số được xây dựng trên nguyên tắc “dân làm chủ” trong khuôn khổ thể chế xã hội chủ nghĩa, không phải quyền tuyệt đối mà gắn với nghĩa vụ công dân và lợi ích

quốc gia, phục vụ mục tiêu bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy dân chủ toàn quá trình.

Dân chủ số ở Trung Quốc được định hướng bởi bốn mục tiêu chiến lược ưu tiên: (1) Hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, thể hiện qua thiết kế hệ thống số hóa rút ngắn quy trình ra quyết định và tăng tốc độ phản hồi chính sách, điển hình như tại Yết Dương (Quảng Đông), hệ thống xử lý kiến nghị trực tuyến giảm thời gian phản hồi trung bình từ 15 ngày xuống 7 ngày (Chính quyền nhân dân thành phố Yết Dương, 2023). (2) Minh bạch có kiểm soát là nguyên tắc vận hành, tập trung công khai quy trình và kết quả trong giới hạn bảo đảm an ninh quốc gia; hệ thống giám sát ngân sách trực tuyến tại Chiết Giang hỗ trợ cho việc giám sát chi tiêu nhưng phân cấp quyền truy cập nhằm bảo vệ thông tin nhạy cảm (Xu, 2023). (3) Kiểm soát xã hội là mục tiêu then chốt, sử dụng công nghệ số để tăng cường năng lực quản trị xã hội của Nhà nước. Công nghệ số được sử dụng để bảo đảm các hoạt động dân chủ diễn ra trong khuôn khổ pháp luật và định hướng chính trị của Đảng. (4) Tham gia có trật tự được thúc đẩy qua mô hình “dân chủ hiệp thương số”, chú trọng tối ưu hóa quản trị kỹ thuật, tránh những tranh luận về ý thức hệ. Chẳng hạn, trong giai đoạn 2020 - 2024, Văn phòng Thu thập đề xuất nhân dân Thượng Hải tiếp nhận hơn 349.000 ý kiến, nhưng chủ yếu là hình thức “tham vấn chức năng” trong khuôn khổ định sẵn (Li, 2024).

2.3. Cấu trúc và nền tảng công nghệ, hạ tầng số

Hạ tầng kỹ thuật số là nền tảng cho dân chủ số ở Trung Quốc, được xây dựng thông qua các dự án trọng điểm như mạng cáp quang toàn quốc, mạng 5G và hệ thống trung tâm dữ liệu

lớn. Tính đến tháng 5/2024, Trung Quốc đã triển khai hơn 3,8 triệu trạm gốc 5G, chiếm khoảng 60% tổng số toàn cầu (Xinhua, 2024). Kiến trúc hạ tầng theo mô hình “một nền tảng cơ bản, nhiều ứng dụng chuyên ngành”, trong đó nền tảng cơ bản gồm mạng truyền thông quốc gia, điện toán đám mây chính phủ và kho dữ liệu quốc gia, đóng vai trò “xương sống” quyết định mức độ phủ sóng và hiệu quả của các ứng dụng dân chủ số.

Cách tiếp cận phân cấp với các trung tâm dữ liệu từ trung ương đến địa phương hình thành mạng lưới liên kết chặt chẽ; hệ thống “Đám mây chính phủ” kết nối các cơ quan đảng và nhà nước, tạo điều kiện cho việc chia sẻ dữ liệu trong phạm vi kiểm soát, phục vụ các nghiệp vụ hành chính, giám sát ngân sách, thu thập ý kiến công chúng và triển khai các ứng dụng bầu cử điện tử cấp cơ sở. Tại Quảng Đông, kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (năm 2021) đặt mục tiêu độ bao phủ chữ ký điện tử đạt 98% trong hệ thống chính phủ số.

Hệ thống nền tảng số được tổ chức theo nguyên tắc “một nền tảng quốc gia thống nhất, đa cấp triển khai”. Ở cấp trung ương, nền tảng Dịch vụ chính phủ trực tuyến quốc gia của Trung Quốc kết nối 47 bộ ngành và 31 tỉnh thành, tích hợp trên 3.500 dịch vụ trực tuyến và xử lý hơn 1 tỷ giao dịch mỗi năm. Cấp tỉnh ghi nhận hơn 90% dịch vụ hành chính có thể xử lý hoàn toàn trực tuyến, tỷ lệ tích hợp “chỉ chạy một lần” hoặc “không cần đến trực tiếp” đạt trên 92% tại các vùng kinh tế trọng điểm (NDRC, 2024, tr.19-20). Ở cấp cơ sở, hệ thống “lưới điện tử” kết nối trực tiếp người dân với cơ quan chức năng đã bao phủ trên 90% đô thị và 75% làng xã nông thôn (Shangguan, 2023). Điểm nhấn là nền tảng Nhân đại số với 5 module cốt lõi: lập pháp thông minh (phân tích

8,5 triệu ý kiến công dân về 47 dự thảo luật năm 2023), giám sát ngân sách số tích hợp blockchain và AI, kết nối đại biểu - cử tri (tỷ lệ hài lòng 92%), giám sát thi hành pháp luật và báo cáo công tác số ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Feng & He, 2024).

Trung Quốc tiên phong ứng dụng công nghệ mới vào dân chủ số. Trí tuệ nhân tạo được sử dụng để phân tích dữ liệu lập pháp và giám sát chính sách, như tại Chiết Giang, hệ thống AI xử lý hàng triệu ý kiến công dân, xác định vùng đồng thuận và bất đồng, hỗ trợ ra quyết định, dù đặt ra câu hỏi về tính minh bạch thuật toán. Blockchain được triển khai trong các lĩnh vực đòi hỏi tính minh bạch cao, điển hình như hệ thống giám sát ngân sách tại Thượng Hải giúp cho việc truy xuất nguồn gốc chi tiêu theo thời gian thực (Shangguan, 2020). Blockchain còn được triển khai trong hệ thống tín dụng xã hội số. Điện toán đám mây, đặc biệt thông qua “Đám mây Nhân đại” chia sẻ tài nguyên tính toán và lưu trữ giữa các cấp, nâng cao khả năng tương tác nhưng cũng làm gia tăng rủi ro an ninh mạng và khả năng giám sát tập trung. Dữ liệu lớn giữ vai trò cốt lõi trong việc theo dõi dư luận xã hội và dự báo vấn đề (Wang, 2021), song cũng đặt ra lo ngại về quyền riêng tư và tự do cá nhân.

2.4. Các hình thức và cơ chế tham gia của dân chủ số

Hệ thống dân chủ số ở Trung Quốc triển khai nhiều kênh tham gia chính thức, được thiết kế tương thích với nguyên tắc “dân chủ nhân dân toàn quá trình”. Các hình thức chủ yếu bao gồm: (1) bầu cử điện tử ở cấp cơ sở - chủ yếu được thực hiện trong các tình huống đặc biệt như đại dịch Covid -19; (2) tham vấn chính sách, kênh được ứng dụng rộng rãi nhất, tiêu biểu như tại Thượng Hải, hệ thống trực tuyến thu thập hơn 2 triệu ý kiến về dự thảo luật giai

đoạn 2020-2023, mở rộng không gian tham vấn nhưng bảo đảm định hướng chính trị của Đảng (Feng & He, 2018); (3) kiến nghị điện tử, công dân có thể gửi yêu cầu trực tiếp, chẳng hạn với hệ thống tại Quảng Đông cam kết phản hồi trong 7 ngày và tỷ lệ giải quyết trên 90%; (4) trách nhiệm giải trình điện tử, điển hình như hệ thống giám sát ngân sách kết nối mạng tại Chiết Giang sử dụng thuật toán AI phân tích dữ liệu và cảnh báo tự động, tạo cơ chế minh bạch phòng ngừa.

Cơ chế phản hồi được thiết kế ưu tiên tốc độ và công khai kết quả. Li (2024) nhận định, tốc độ phản hồi là chỉ số then chốt tạo niềm tin và Trung Quốc tập trung giải quyết ngay những vấn đề thực tiễn cấp bách thay vì sa đà vào các cuộc tranh luận. Các chỉ số thực tiễn ghi nhận mức cải thiện đáng kể: giảm thời gian phản hồi, giảm chi phí vận hành và hạn chế tham nhũng qua giám sát ngân sách ứng dụng blockchain (Chen & Jin, 2022).

Năng lực số của công dân có sự chênh lệch rõ rệt giữa các khu vực và nhóm dân cư: tỷ lệ sử dụng internet khu vực thành thị đạt 83,3%, trong khi ở khu vực nông thôn chỉ đạt 66,5%; nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm 39,8% trong tổng số 317 triệu người chưa sử dụng internet (CINIC, 2024). Chương trình “Nâng cao năng lực số toàn dân” giai đoạn 2021-2025 đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân có kỹ năng số cơ bản lên 70% vào năm 2025. Do đó, khoảng cách số không thuần túy là vấn đề kỹ thuật mà mang ý nghĩa chính trị - xã hội, tác động trực tiếp đến tính bao trùm của hệ thống dân chủ (Lang & Lü, 2018). Văn hóa chính trị truyền thống Trung Quốc đề cao sự ổn định, tính tập thể và vai trò lãnh đạo của Đảng tiếp tục định hình cách công dân tiếp cận nền tảng số. Tự do ngôn luận trong không gian số được

hiều theo hướng “có trách nhiệm”, gắn với nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia.

Về cơ chế phản hồi và đối thoại được tổ chức đa tầng nhằm bảo đảm tính kịp thời và minh bạch, tốc độ phản hồi được ưu tiên hàng đầu. Tại Quảng Đông đã ghi nhận thời gian phản hồi trung bình giảm từ 30 ngày xuống còn 7 ngày nhờ hệ thống xử lý trực tuyến. Việc công khai kết quả xử lý được đặc biệt chú trọng. Tại Chiết Giang và Thượng Hải, kết quả kiến nghị và tham vấn được công bố trực tuyến, bao gồm danh tính cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết, song phạm vi công khai được kiểm soát, chỉ những vấn đề đã xử lý thỏa đáng hoặc không nhạy cảm về chính trị mới được công bố rộng rãi. Cơ chế đối thoại trực tiếp qua nền tảng số ngày càng được quan tâm. Tại Quảng Đông, thông qua hệ thống “Yue dang jia” giúp cử tri đặt câu hỏi trực tiếp cho đại biểu và nhận phản hồi theo thời gian thực; tại Thượng Hải, các phiên họp trực tuyến về vấn đề cộng đồng thu hút sự tham gia của quan chức và công dân. Các cơ chế đối thoại số giúp thu hẹp khoảng cách nhà nước - công dân, nhưng vẫn duy trì nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện.

2.5. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình số

Minh bạch số và trách nhiệm giải trình là hai trụ cột quan trọng trong hệ thống dân chủ số ở Trung Quốc. Các cơ chế này được thiết kế để tăng cường niềm tin của công dân vào hệ thống chính trị, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả trong quản trị nhà nước.

Báo cáo trực tuyến là công cụ chính để nâng cao tính minh bạch trong hệ thống dân chủ số Trung Quốc. Nhân đại các cấp đã xây dựng các cổng thông tin trực tuyến, công khai các báo

cáo công tác, kết quả giám sát và các quyết định quan trọng. Tại Chiết Giang, thông qua hệ thống “Nhân đại thông minh”, công dân có thể xem các báo cáo ngân sách, kết quả giám sát và các dự thảo luật theo thời gian thực. Minh bạch trong dân chủ số ở Trung Quốc tập trung vào việc công khai các quy trình và kết quả chứ không phải toàn bộ dữ liệu. Minh bạch được hiểu là minh bạch có kiểm soát, trong khuôn khổ bảo đảm an ninh quốc gia.

Giám sát công dân thông qua các nền tảng số đã trở thành một phần quan trọng trong hệ thống trách nhiệm giải trình. Tại Thượng Hải, hệ thống “Giám sát ngân sách dựa trên blockchain” giúp công dân theo dõi chi tiêu công theo thời gian thực. Tuy nhiên, cơ chế giám sát công dân trong hệ thống dân chủ số ở Trung Quốc chủ yếu tập trung vào các vấn đề kinh tế - xã hội. Công dân được khuyến khích giám sát việc thực hiện chính sách, nhưng giới hạn ở việc phản biện tính chính đáng của chính sách.

Dữ liệu mở ngân sách là một trong những thành tựu nổi bật của dân chủ số ở Trung Quốc. Theo báo cáo của Phòng Nghiên cứu Quản trị số và di động, Đại học Phúc Đán, đến cuối năm 2022, hơn 80% các tỉnh đã công khai dữ liệu ngân sách trực tuyến ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hệ thống minh bạch và trách nhiệm giải trình số của Trung Quốc vẫn còn những hạn chế: dữ liệu được công khai thường đã qua xử lý và lựa chọn kỹ lưỡng, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội ít nhạy cảm; các vấn đề liên quan đến nhân sự lãnh đạo, chỉ tiêu an ninh quốc gia và các vấn đề chính trị cốt lõi thường không được đưa vào hệ thống minh bạch số (Chen, 2022). Điều này phản ánh cách tiếp cận có chọn lọc của Trung Quốc đối với minh bạch số, trong đó hiệu quả quản trị và ổn định chính trị được ưu tiên hơn tính minh bạch tuyệt đối.

Nhìn chung, cơ chế và hình thức tham gia của công dân số trong mô hình dân chủ số ở Trung Quốc thể hiện sự cân bằng giữa mở rộng tham gia và duy trì kiểm soát. Các kênh tham gia được thiết kế để giải quyết các vấn đề cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, thay vì thách thức cấu trúc quyền lực hiện có. Cơ chế phản hồi nhanh chóng và minh bạch có kiểm soát đã tạo dựng niềm tin của công dân vào hệ thống chính trị, đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Mô hình này phản ánh đặc trưng riêng của dân chủ xã hội chủ nghĩa Trung Quốc trong thời đại số, với trọng tâm là tính hiệu quả và ổn định chính trị.

2.6. Thách thức và biện pháp quản lý

Các thách thức chính bao gồm bảo mật dữ liệu, đạo đức AI, quản lý tin giả, khoảng cách số và chủ nghĩa hình thức số. Về bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư là thách thức hàng đầu trong phát triển dân chủ số ở Trung Quốc. Trung Quốc xây dựng hệ thống phân cấp quản lý dữ liệu với nguyên tắc “dữ liệu quan trọng thuộc về nhà nước”. Tuy nhiên, việc phân định giữa “dữ liệu quan trọng” và “dữ liệu thông thường” còn chưa rõ ràng, tạo ra khoảng trống trong quản lý.

Đạo đức AI đang trở thành vấn đề nổi cộm khi các thuật toán được sử dụng rộng rãi trong phân tích dữ liệu lập pháp, giám sát ngân sách và bầu cử điện tử. Khi các quyết định dân chủ ngày càng phụ thuộc vào thuật toán, việc kiểm soát tính công bằng và minh bạch của thuật toán trở thành vấn đề sống còn của dân chủ số.

Quản lý tin giả được thực hiện thông qua khung pháp lý nghiêm ngặt với các chế tài mạnh mẽ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này thường bị chỉ trích là hạn chế quyền tự do ngôn luận.

Khoảng cách số thể hiện rõ qua sự chênh lệch về tiếp cận công nghệ giữa các khu vực và

nhóm dân cư. Dù tỷ lệ phủ sóng internet ở nông thôn đã tăng đáng kể, nhưng chất lượng kết nối và khả năng ứng dụng thực tế vẫn còn hạn chế. Khoảng cách số không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là vấn đề thể chế và văn hóa. Việc trang bị hạ tầng số cho vùng nông thôn chỉ giải quyết được một nửa vấn đề (Gao & Wang, 2023).

3. Kết luận và gợi mở đối với Việt Nam

Từ các tiếp cận về dân chủ số ở Trung Quốc, có thể thấy rõ giá trị của cách tiếp cận có chọn lọc: kết hợp công nghệ với thể chế đặc thù, cân bằng giữa mở rộng tham gia và duy trì kiểm soát. Dân chủ số ở Trung Quốc là một hệ thống phức hợp, được kiến tạo trên nền tảng thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa đặc sắc với sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm đặc trưng cốt lõi định hình hệ thống này gồm: (1) định hướng theo bốn mục tiêu chiến lược ưu tiên - hiệu quả, minh bạch có kiểm soát, quản lý xã hội và tham gia/đồng thuận có giới hạn; (2) kiến trúc hạ tầng số phân cấp từ trung ương đến địa phương; (3) hệ thống nền tảng đa tầng, trong đó Nhân đại số là trung tâm tích hợp; (4) ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, blockchain và dữ liệu lớn vào quy trình dân chủ; (5) vận hành trong trạng thái cân bằng giữa an ninh mạng và mở rộng tham gia, với an ninh quốc gia là ưu tiên hàng đầu.

Dân chủ số ở Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong cải thiện minh bạch thực chất, tiết kiệm chi phí quản lý, giảm tham nhũng và nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề của người dân. Các hệ thống giám sát ngân sách trực tuyến, nền tảng tham vấn chính sách và cơ chế xử lý kiến nghị điện tử đã chứng minh tính hiệu quả trong việc tăng cường trách nhiệm giải trình và rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và công dân. Đặc biệt, khả năng thích ứng

nhạnh với khủng hoảng (như đại dịch Covid-19) là điểm mạnh nổi bật của nội dung này.

Tuy nhiên, sự phát triển dân chủ số ở Trung Quốc hiện nay cũng đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng: (1) Cân bằng giữa bảo mật và quyền riêng tư trong bối cảnh thu thập dữ liệu quy mô lớn; (2) Quản lý tin giả và thông tin sai lệch mà không hạn chế quá mức tự do ngôn luận; (3) Thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và nhóm dân cư khác nhau; (4) Tránh “chủ nghĩa hình thức số” khi các nền tảng chỉ tồn tại để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo từ cấp trên mà thiếu cơ chế phản hồi thực chất; (5) Bảo đảm tính bền vững tài chính và công nghệ của các hệ thống dân chủ số.

Đối với các quốc gia đang phát triển, kinh nghiệm Trung Quốc mang lại những hàm ý chính sách quan trọng trên năm trục chính:

(1) Về thể chế chính trị và pháp lý: hoạch định chiến lược quốc gia tổng thể về dân chủ số, lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; hoàn thiện khung pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền công dân số; tìm điểm cân bằng giữa kiểm soát và mở cửa, bảo đảm an ninh quốc gia nhưng không triệt tiêu quyền tham gia.

(2) Về công nghệ và hạ tầng số: ưu tiên đầu tư có trọng điểm thay vì dàn trải; phát triển hệ thống chia sẻ dữ liệu liên thông, tránh phân mảnh cục bộ; tiếp nhận có chọn lọc AI, blockchain và dữ liệu lớn, bắt đầu từ ứng dụng đơn giản, khả thi cao.

(3) Về công dân số và năng lực tham gia: triển khai chương trình nâng cao năng lực số toàn dân, tập trung vào nhóm yếu thế; thu hẹp khoảng cách số toàn diện bằng cả mở rộng hạ tầng lẫn thay đổi thói quen sử dụng; kiến tạo niềm tin số thông qua minh bạch hóa hiệu quả giải quyết vấn đề và quy trình ra quyết định.

(4) Về cơ chế và hình thức tham gia: đa dạng hóa kênh trực tuyến phù hợp với đặc thù chính sách và đối tượng; thiết lập cơ chế phản hồi nhanh với tiêu chuẩn thời gian rõ ràng và công khai kết quả; ứng dụng công nghệ mới vào giám sát ngân sách nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

(5) Về quản lý rủi ro và thách thức: xây dựng khung pháp lý toàn diện về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư; tiếp cận cân bằng trong quản lý tin giả, kết hợp biện pháp pháp lý và giáo dục nâng cao nhận thức; ngăn ngừa “chủ nghĩa hình thức số” bằng hệ tiêu chí đánh giá dựa trên mức độ giải quyết vấn đề thực tế của người dân.

Vì thế, việc kiến tạo một mô hình dân chủ số mang đặc trưng Việt Nam có thể tham chiếu các tham số cốt lõi: lấy người dân làm trung tâm, kết hợp đổi mới công nghệ với củng cố thể chế, hài hòa hiệu quả quản trị với mở rộng tham gia dân chủ, và cân bằng giữa bảo đảm an ninh quốc gia với tôn trọng quyền riêng tư của công dân □

Ngày nhận bài: 14/5/2026;

Ngày bình duyệt: 4/8/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/8/2026.

Email tác giả: lethumaiips@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Bigg, C., & Ge, A (2025). *China: Recent enforcement trends*. Privacy Matters. <https://privacymatters.dlapiper.com>.

Chen, B., & Jin, W [陈波 & 金炜] (2022). 数字赋能全过程人民民主 [Trao quyền số cho nền dân chủ nhân dân toàn quá trình]. 浙江人大 [Đại biểu Nhân dân Chiết Giang], 8, 10-13.

Chen, J. [陈家刚] (2022). 数字协商民主：可能性、风险及其规制 [Dân chủ hiệp thương số: Khả năng, rủi ro và quy định].

rủi ro và cơ chế quản lý]. *教学与研究 [Dạy học và Nghiên cứu]*, 7, 74-84.

Chen, X (2016). 技术创新与制度惰性: 以“x省大数据+人大代表履职创新”为个案的研究 [Đổi mới công nghệ và sức ỳ thể chế: Nghiên cứu trường hợp “Dữ liệu lớn + đổi mới hoạt động thực thi chức trách của đại biểu Nhân đại tại tỉnh X”]. *中共福建省委党校学报 [Học báo Trường Đảng tỉnh Phúc Kiến]*, 12, 4-10.

Chính quyền nhân dân thành phố Yết Dương [揭阳市人民政府] (2023). 工作简报 [Bản tin công tác]. <http://www.jieyang.gov.cn>.

Chính quyền nhân dân tỉnh Quảng Đông (2021). 广东省数字政府改革建设“十四五”规划 [Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 về cải cách và xây dựng chính phủ số tỉnh Quảng Đông]. <https://www.zhxx.gov.cn/attachment/0/292/292293/3061044.pdf>

CINIC (2024). *The 53rd statistical report on China's internet development*. <https://www.cnnic.com.cn>.

Feng, L., & He, J. [冯亮 & 何俊志] (2018). 人大立法中政治逻辑与技术逻辑的互动: 以G省人大常委会立法过程为例 [Sự tương tác giữa logic chính trị và logic kỹ thuật trong hoạt động lập pháp của nhân đại: Trường hợp quy trình lập pháp của Ủy ban Thường vụ Nhân đại tỉnh G]. *学术研究, [Nghiên cứu học thuật]* 8, 70-75.

Gao, J., & Wang, M [高健 & 王美珍] (2023). 新时代网络社会治理共同体构建探析 [Phân tích việc xây dựng cộng đồng đồng quản trị xã hội mạng trong thời đại mới]. *长春理工大学学报 (社会科学版) [Học báo Đại học Công nghệ Trường Xuân (Khoa học xã hội)]*, 36, 14-20.

Lang, Y., & Lü, H. [郎友兴 & 吕鸿强] (2018). 政治制度的技术嵌入: 互联网+地方人大制度 - 基于浙江人大代表履职服务平台的实践创新 [Sự gắn kết công nghệ vào thể chế chính trị: Internet + chế độ nhân đại địa phương - đổi mới thực tiễn dựa trên nền tảng dịch vụ thực thi chức trách của đại biểu nhân đại tỉnh Chiết Giang]. *华中师范大学学报 [Học báo Đại học sư phạm Hoa Trung]*, 4, 35-42.

Li, X. [李晓明]. (2024). 上海民声 | 市人民建议征集办自成立以来收到建言献策超34.9万件 [Tiếng nói nhân dân Thượng Hải: Kể từ khi thành lập, Văn phòng Thu thập kiến nghị của nhân dân thành phố đã tiếp nhận hơn 349.000 ý kiến và đề xuất]. *Xinmin News*. <https://news.xinmin.cn>.

NDRC [国家发展和改革委员会]. (2024). 关于2023年国民经济和社会发展计划执行情况与2024年国民经济和社会发展计划草案的报告 [Báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc dân năm 2023 và dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc dân năm 2024]. <https://www.nda.gov.cn>.

NPC (Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc) (2016). 中华人民共和国网络安全法 [Luật An ninh mạng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa]. 中国人大网. <http://www.npc.gov.cn>.

Phòng Nghiên cứu quản trị số và di động, Đại học Phúc Đán. (2025). Báo cáo vận hành ủy quyền dữ liệu công cộng địa phương Trung Quốc (2025). Đại học Phúc Đán. <https://ifopendata.fudan.edu.cn>.

Shangguan, J. [上官酒瑞] (2020). 参与式预算是全过程民主的实践形式 [Ngân sách có sự tham gia là hình thức thực tiễn của dân chủ toàn quá trình]. *探索与争鸣 [Khám phá và Tranh luận]*, 12, 27-29.

Smith, G (2009). *Democratic innovations: Designing institutions for citizen participation*. Cambridge University Press.

Xinhua (2024). *China has more than 3.8 mln 5G base stations*. People's Daily Online. <https://en.people.cn/n3/2024/0627/c90000-20186302.html>

Xu, F. [许峰] (2023). 全过程人民民主论域下的地方人大数字化改革机理探析 - 基于浙江衢州市“数字人大”建设的分析 [Phân tích cơ chế cải cách số hóa của nhân đại địa phương dưới góc nhìn dân chủ nhân dân toàn quá trình: Nghiên cứu trường hợp xây dựng “Nhân đại số” tại thành phố Cù Châu, tỉnh Chiết Giang]. *电子政务 [Chính quyền điện tử]*, 10, 116-132.